TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **43**/2020/DS-PT
Ngày: 19/02/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Của
Cùng các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2019/TLPT-DS ngày 23/12/2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 324/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐ-PT ngày 21/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982;

ĐKTT: Số nhà 20A6, Khu phố 1, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Nơi cư trú: Số nhà 176/1, ấp AB, xã AN, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số nhà 85/3, ấp QĐ, xã QĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh M: Ông Lê Văn M1, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số nhà 129/2 ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020)

2. Chị Trần Thị Thúy V, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Số nhà 97/2, ấp AN, xã AN, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số nhà 85/3, ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số nhà 176/1, ấp AB, xã AN, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Thái B ủy quyền cho chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 20A6, Khu phố 1, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019)

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Đức M

(Chị L, ông M1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L trình bày: Chị là chủ hộ kinh doanh về mặt hàng thức ăn và thuốc thủy sản B L, có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm cho anh Nguyễn Đức M và chị Trần Thị Thúy V từ năm 2012, hai bên thỏa thuận bằng lời nói, việc mua bán thứa ăn dưới hình thức công nợ, thanh toán dần và tất toán công nợ vào ngày 31 tháng 12 của mỗi năm (công nợ bằng 0 đồng) nếu anh M, chị V thực hiện tất toán công nợ bằng 0 đồng vào ngày 31 tháng 12 đúng hạn và sản lượng phải đạt 500 tấn/năm thì bà sẽ chiết khấu thưởng doanh số tất nợ cho anh M, chị V là 500 đồng/kg thức ăn thời gian được hưởng doanh số, tất nợ trễ nhất là vào ngày 31 tháng 12 hằng năm; Ngược lại, anh M, chị V không tất toán được công nợ bằng 0 đồng vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm thì sẽ không được hưởng phần chiết khấu. Anh M và chị V có mua thưc ăn nuôi tôm và có trả tiền, tính đến 15/6/2019 anh M và chị V còn nợ với số tiền là 1.871.663.852 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng). Ngày 21/6/2019 anh M và chị V có trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) còn nợ 1.771.663.852 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng). Do anh M và chị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên không được hưởng chiết khấu, bà yêu cầu anh M và chị V phải thanh toán hết khoản tiền nợ 1.771.663.852 đồng nhưng anh M, chị V không thanh toán nên chị không tiếp tục cung cấp thức ăn nuôi tôm cho anh Nguyễn Đức M và chị Trần Thị Thúy V. Anh M yêu cầu bà phải chiết khấu phần doanh số mà theo ông M trình bày là do ông giới thiệu cho bà bán thức ăn nuôi tôm cho ông Nguyễn Tấn Kiệt, và ông Phạm Thanh Vũ là hoàn toàn không đúng; Chị và anh M không có thỏa thuận bất kỳ điều kiện gì về chiết khấu của việc bán thức ăn nuôi tôm cho ông Nguyễn Tấn Kiệt và ông Phạm Thanh Vũ; ông Kiệt và anh Vũ đang mua bán thức ăn với bà từ ngày đầu cho đến thời điểm hiện tại,

công nợ của ông Kiệt và ông Vũ là độc lập hoàn toàn không phụ thuộc gì vào công nợ của vợ chồng anh M. Anh M, chị V cũng không có trả nợ thay hoặc bảo lãnh bất kỳ khoản công nợ nào đối với ông Kiệt và ông Vũ. Do anh M và chị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ; chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức M, chị Trần Thị Thúy V phải có nghĩa vụ đới trả cho bà số tiền 1.771.663.852 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng), không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đức M, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thúy V trình bày: Vợ chồng anh có mua thức ăn nuôi tôm với chị Phan Thị Mỹ L từ năm 2012 đến nay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói không có lập thành văn bản, việc mua bán thứa ăn dưới hình thức công nợ, thanh toán dần và tất toán công nợ vào ngày 31 tháng 12 của mỗi năm (công nợ bằng 0 đồng), hai bên thỏa thuận nếu thực hiện tất toán công nợ bằng 0 đồng vào ngày 31 tháng 12 đúng hạn và sản lượng phải đạt 500 tấn/năm thì chị Phan Thị Mỹ L sẽ chiết khấu thưởng doanh số tất nợ là 500 đồng/kg. Anh xác nhận tính đến 15/6/2019 vợ chồng anh còn nợ chị L với số tiền 1.871.663.852 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng) đến ngày 21/6/2019 vợ chồng đã trả cho chị L 100.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 1.771.663.852 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng). Việc thực hiện mua bán thức ăn hai bên có thỏa thuận khi bên ông mua đạt doanh số 500 tấn thì chiết khấu 500đ/kg; trên 500 tấn chiếc khấu 600đ/kg. Đối với số tiền vợ chồng anh còn nợ chị L tương ứng với số tiền chiết khấu khoảng 300.000.000 đồng, chiết khấu trừ số tiền của ông Phạm Thanh Vũ ở xã Mỹ An và ông Nguyễn Tấn Kiệt ở xã Quới Điền, vì hai bên thỏa thuận nếu anh Vũ và anh Kiệt không tất công nợ cho chị L thì anh sẽ trả tiền cho chị L thay cho ông Vũ và ông Kiệt. Nay chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 1.771.663.852 đồng thì anh không đồng ý, vì chị L chưa chiết khấu cho anh số tiền của ông Vũ và ông Kiệt là 300.000.000 đồng, nhưng chị không có yêu cầu phản tố đối với số tiền 300.000.000 đồng này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 324/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 433, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L.

Buộc anh Nguyễn Đức M và chị Trần Thị Thúy V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 1.771.663.852 đồng (Một tỷ, bảy trăm bảy mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2019 anh Nguyễn Đức M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc chị L phải thanh toán cho anh số tiền chiết khấu là 300.000.000 đồng và giảm bớt khoản tiền án phí.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữa yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của anh M cho rằng quá trình mua bán giữa chị L và anh M diễn ra từ năm 2012. Năm 2017 mặc dù anh L còn thiếu nợ chị L trên hai tỷ đồng nhưng chị L vẫn chiết khấu cho anh M theo mức 500 đồng/kg thức ăn như các bên đã thỏa thuận. Tháng 10/2018 chị L đơn phương ngừng cung cấp thức ăn cho anh L, làm cho anh L không có hàng để giao cho khách nên anh L bị thiệt hại. Do đó, chị L là người có lỗi. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đơn yêu cầu phản tố đối với số tiền chiết khấu của anh M. Anh M là hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự là bất lợi cho anh M.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác M làm rõ nguyên đơn, bị đơn có đăng ký kinh doanh hay không để xác định là án dân sự hay án kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự để giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L yêu cầu anh Nguyễn Đức M và chị Trần Thị Thúy V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 1.771.663.852 đồng. Anh Nguyễn Đức M thừa nhận số tiền còn nợ chị L là 1.771.663.852 đồng, tuy nhiên anh M không đồng ý thanh toán cho chị L số tiền trên vì chị L chưa thanh toán cho anh số tiền chiết khấu là 300.000.000 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh M có giao nộp chứng cứ là "Giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh" đứng tên "Đức M".

Theo hồ sơ vụ án thì nguyên đơn là chị Phan Thị Mỹ L cũng là hộ kinh doanh cá thể, có đăng ký kinh doanh. Do đó, nguyên đơn và bị đơn đều là hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanhViệc mua bán giữa hai bên nhằm mục đích lợi nhuận nên phải xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại nhưng cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo trình tự, thủ tục vụ án dân sự và áp dụng pháp luật dân sự để giải quyết nội dung vụ án là không đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết lại theo thủ tục chung. Khi nộp đơn khởi kiện thì chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán. Trong quá trình tố tụng, thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm thì nguyên đơn, bị đơn đều không trình bày và không cung cấp chứng cứ bị đơn Nguyễn Đức M cũng là hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh. Do đó, đây là các tình tiết phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nhưng không có lỗi của cấp sơ thẩm.

[3] Bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm về tố tụng nên cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[4] Anh Nguyễn Đức M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 324/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Hoàn trả cho anh Nguyễn Đức M số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006200 ngày 19/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Thạnh Phú;*
- *Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;*
- *Phòng KTNV & THA;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim Của

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Huỳnh Ngọc Dũng **Hồ Thị Thanh Thúy** **Phạm Kim Của**